

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HSST
Ngày 21-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA - CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Long

Ông Mông Văn Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thúy Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Biên - Kiểm sát viên.

Thành phần tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần:

Thư ký Tòa án: Bà Mã Thị Diệu

Kiểm sát viên: Ông Phương Hoàng Đức Công

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại Điểm cầu trung tâm – Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, điểm cầu thành phần – Phòng xét xử trực tuyến Công an huyện Quảng Hòa, Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2022/HSST ngày 19 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1, Đàm Văn H sinh ngày: 01 tháng 02 năm 1989 tại xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: Xóm B, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn V, sinh năm 1961 và bà Nông Thị T,

sinh năm 1965; có vợ Tôn Thị P, sinh năm 1996 và 02 con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2022, hiện đang giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2, Đàm Văn H1 sinh ngày: 29 tháng 5 năm 1991 tại xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: Xóm B, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn V, sinh năm 1961 và bà Nông Thị T, sinh năm 1965; có vợ Đàm Thị N, sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2014; tiền án: 01 tiền án, năm 2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 05 tù về tội Trộm cắp tài sản, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2022, hiện đang giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1/ Ông Nông Văn Sự - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2/ Bà Nông Thị Thu Trang – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Nguyễn Văn S; sinh năm 1988; trú tại: Thôn Y, xã B, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

2/ Tôn Văn T; sinh năm 1991; trú tại: Xóm L, xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1/ Nông Văn T; sinh năm 1977; trú tại: Xóm T, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

2/ Hoàng Văn G; sinh năm 1994; trú tại: Xóm T, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

3/ Nông Văn N; sinh năm 1960; Trú tại: Xóm Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*: Ông Nông Hồng Quân, ông Đinh Ngọc Thanh, ông Đàm Đức Thuận, ông Thạch Văn Đông, ông Đàm Quang Phúc - Cán bộ, chiến sĩ cảnh sát hỗ trợ tư pháp tại điểm cầu thành phần.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 00 phút ngày 01/3/2022 tổ công tác Công an huyện Quảng Hòa, Công an thị trấn Hòa Thuận, Công an thị trấn Tà Lùng, Đồn biên phòng cửa khẩu quốc tế Tà Lùng và Chi cục hải quan cửa khẩu quốc tế Tà Lùng đồng chủ trì thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại khu vực đối diện chùa Trúc Lâm thuộc tổ dân phố Tân Thịnh, thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, phát hiện Đàm Văn H1, sinh năm 1991 đang ngồi trên xe moto nhãn hiệu Honda loại Wave RSX biển kiểm soát XXZX-XXXX có nhiều biểu hiện vi phạm pháp luật. Tổ công tác tiến hành kiểm tra, phát hiện, thu giữ 01 (*Một*) túi nilon màu trắng, bên trong chứa 05 (*Năm*) túi nilon màu trắng đều chứa các loại thảo dược, trong đó có 01 (*Một*) túi lẫn bên trong 01 (*Một*) bọc được bọc bằng mảnh nilon trong suốt được hàn bằng nhiệt có chứa chất nhựa dẻo màu nâu đen. Đàm Văn H1 khai nhận đó là thuốc phiện của Đàm Văn H nhờ H1 nhận giúp. Tổ Công tác đã thu giữ toàn bộ vật chứng nêu trên cùng với 02 (*Hai*) điện thoại di động và 01 (*Một*) xe mô tô của Đàm Văn H1.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đàm Văn H phát hiện, thu giữ: 05 (*Năm*) gói nhỏ màu trắng – xanh bao bì có chữ nước ngoài; 01 (*Một*) con dao gập bằng kim loại.

Cơ quan điều tra đã tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng vật chứng thu giữ của Đàm Văn H1 có tổng khối lượng là 97,847g (*Chín mươi bảy phẩy tám trăm bốn mươi bảy gam*).

Tại bản kết luận giám định số 13/KL-KTHS ngày 11/3/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: “*Chất nhựa dẻo màu nâu đen bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là Thuốc phiện*”.

Quá trình điều tra Đàm Văn H và Đàm Văn H1 đều khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 01/3/2022, Đàm Văn H gọi điện thoại cho Đàm Văn H và hỏi “Rảnh không, đi lấy cho anh ít hàng, say quá không đi được” H1 trả lời “ừ, để em đi lấy cho”. Sau đó H1 đi đến gặp H, H nói “Cầm điện thoại và xe của anh ra Hòa Thuận lấy hàng cho anh, bên trong có ít đồ ngâm rượu và hàng đen”, nghe H nói vậy H1 biết là thuốc phiện nhưng vẫn đồng ý cầm điện thoại và điều khiển xe

của Hải đi đến đường tròn (vòng xuyên) thuộc thị trấn Hòa Thuận, huyện Quảng Hòa, H1 lấy điện thoại của H gọi cho nhà xe Minh Hương để nhận hàng thì nhà xe bảo đến thị trấn Tà Lùng để nhận hàng. H1 điều khiển xe mô tô đến tổ dân phố Tân Thịnh, thị trấn Tà Lùng nhận hàng với nhà xe, khi vừa nhận được gói hàng thì bị tổ công tác phát hiện bắt quả tang.

Về nguồn gốc số Thuốc phiện, Đàm Văn H khai: Ngày 27/02/2022 H sử dụng điện thoại gắn sim số 0981.577.XXX gọi đến số điện thoại 0339.333.XXX của Nguyễn Văn S, sinh năm 1988, trú tại: Thôn Y, xã B, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh và hỏi “có rượu không? Cho một can rượu” (tức là bán cho một lạng thuốc phiện) thì S đồng ý. Sau đó, H đến nhà Phan Văn L, sinh năm 1991, trú tại Phố C, xã C, huyện Q làm dịch vụ chuyển tiền và đưa cho L 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*) nhờ chuyển đến số tài khoản 10187055XXXX của S mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam. Ngày 01/3/2022, S gọi điện thoại báo đã gửi thuốc phiện cho H qua nhà xe Minh Hương chạy tuyến Thái Nguyên – Cao Bằng đến thị trấn Tà Lùng. Chiều cùng ngày, H gọi điện cho xe khách Minh Hương hỏi lấy gói hàng và hẹn nhận ở đường tròn (vòng xuyên), thị trấn Hòa Thuận.

Trước đó, vào tháng 02/2022 H đã mua với Nguyễn Văn S 01 (*Một*) lạng thuốc phiện với giá 14.000.000 (*Mười bốn triệu đồng*), lần này H đến thị trấn Hòa Thuận nhờ một người không nhớ tên (làm dịch vụ chuyển tiền) chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng của S, ngày hôm sau H nhận được Thuốc phiện và đã bán hết cho Nông Văn T, sinh năm 1977, trú tại: Xóm T, xã C, huyện Q với giá 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*), vài ngày sau H đến nhà mua lại với T 04 (*Bốn*) chỉ với giá 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) và tiếp tục bán lại cho Hoàng Văn G, sinh năm 1994, trú tại: Xóm T, xã C và Nông Văn N, sinh năm 1960, trú tại: Xóm Đ, xã C mỗi người 05 lạng, bán cho Nông Văn H3, sinh năm 1974, trú tại: Xóm N, xã C, huyện Q 03 lạng, mỗi lạng 01 gói với giá 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Người làm chứng Nông Văn T khai chỉ được mua ma túy với H 01 (*Một*) lạng, 01 (*Một*) gói với giá 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*), ngoài ra không được mua hay bán ma túy với H lần nào khác. Hoàng Văn G và Nông Văn N khai bản thân nghiện ma túy và đã trực tiếp mua ma túy với Đàm Văn H. Nông Văn H3 khai bản thân không nghiện ma túy và không được mua ma túy với H.

Căn cứ lời khai của Đàm Văn H, Ngày 07/3/2022 Cơ quan điều tra tiến hành khám xét nhà riêng của Nguyễn Văn S, phát hiện, thu giữ: 03 (*Ba*) cục chất màu đen nâu nghi là thuốc phiện, 01 (*Một*) điện thoại di động. Tiến hành cân xác

định khối lượng vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn S có tổng khối lượng là 0,173g (*Không thấy một trăm bảy mươi ba gam*). Bản kết luận giám định số 15/KL-KTHS ngày 18/3/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: “*Mẫu chất nhựa cứng màu nâu đen bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là thuốc phiện*”. Nguyễn Văn S khai: 03 cục chất màu đen cơ quan điều tra thu giữ tại nhà của S là mua với người không rõ tên tuổi trên mạng xã hội với giá 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*) từ 3-4 năm trước, mục đích để làm thuốc chữa đi ngoài cho chó, mèo. S có quen biết Đàm Văn H nhưng không được bán thuốc phiện cho H, còn việc H chuyển tiền vào tài khoản của S là chuyển tiền trả nợ cho S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Tôn Văn T khai: Chiếc xe mô tô loại Wave RSX biển kiểm soát XXZ1-XXXX là của anh mua với anh Đàm Văn T với giá 11.000.000đ, khi mua chỉ làm giấy tờ mua bán viết tay, do không có nhu cầu sử dụng nên anh cho em họ anh là chị Tôn Thị P là vợ của bị cáo H dùng để đi lại, việc bị cáo H cho bị cáo H1 sử dụng chiếc xe vận chuyển ma túy anh không biết, do đó anh yêu cầu được trả lại chiếc xe này.

Bản cáo trạng số 43/CT-VKSQH ngày 19/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng quyết định truy tố bị cáo Đàm Văn H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và Đàm Văn H1 về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và thừa nhận nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đàm Văn H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, Đàm Văn H1 về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” và trình bày quan điểm, hướng giải quyết vụ án như sau: Các bị cáo nhận thức được hành vi mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, xong bị cáo H vì lợi nhuận từ việc mua bán và để có tiền phục vụ nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội; còn bị cáo H1 mặc dù không được hưởng lợi ích gì từ việc nhận ma túy giúp và cũng không biết mục đích H mua ma túy để làm gì, nhưng với khối lượng ma túy H1 nhận giúp H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” và trực tiếp giúp cho H thực

hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, riêng bị cáo H1 có thêm tình tiết tăng nặng là “*Tái phạm*” nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đàm Văn H từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm 6 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Đàm Văn H1 từ 2 năm 3 tháng đến 2 năm 6 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng là ma túy cùng các vật chứng không còn giá trị sử dụng; tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động của Đàm Văn H; trả lại điện thoại di động cho bị cáo Đàm Văn H1; trả lại xe mô tô cho chủ sở hữu và đề nghị truy thu số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) do bị cáo H mua bán ma túy mà có.

Những người bào chữa đều cơ bản nhất trí với cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, tuy nhiên người bào chữa cho bị cáo Đàm Văn H1 cho rằng sau khi bị bắt bị cáo H1 đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra phát hiện hành vi của bị cáo H, nên đề nghị cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt. Người bào chữa cho bị cáo Đàm Văn H cho rằng bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; trong quá trình điều tra bị cáo H đã tự thú về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình, nên đề nghị cho bị cáo hưởng thêm 02 (Hai) tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt.

Các bị cáo đều nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng và luận cứ bào chữa của người bào chữa về tội danh, hành vi phạm tội, mức hình phạt và quan điểm xử lý, do đó không có ý kiến tranh luận.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa không nhất trí với đề nghị của những người bào chữa vì: Mặc dù các bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng bị cáo được học đến lớp 10 và đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình bị

pháp luật ngăn cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện; việc bị cáo H1 sau khi bị bắt đã khai ra ma túy là của bị cáo H; bị cáo H sau khi bị bắt đã tự khai ra hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình đã được xem xét được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để bị cáo sớm được trở về hòa nhập với xã hội và sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Cụ thể như: Lời khai của bị cáo, lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 18 giờ 00 phút ngày 01/3/2022, biên bản khám xét chỗ ở và vật chứng thu giữ.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định, có đủ căn cứ chứng minh vào hồi 18 giờ 00 phút ngày 01/3/2022 tổ công tác Công an huyện Quảng Hòa, Công an thị trấn Hòa Thuận, Công an thị trấn Tà Lùng, Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế Tà Lùng và Chi cục hải quan cửa khẩu quốc tế Tà Lùng đồng chủ trì thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại khu vực đối diện chùa Trúc Lâm thuộc tổ dân phố Tân Thịnh, thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, phát hiện Đàm Văn H1 đang có hành vi tàng trữ nhằm mục đích vận chuyển 97,847g (*Chín mươi bảy phẩy tám trăm bốn mươi bảy gam*) thuốc phiện

cho Đàm Văn H. Đây là Thuốc phiện của H mua với Nguyễn Văn S với số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*) mục đích sử dụng và bán kiếm lời.

Trước đó, vào tháng 02/2022 Đàm Văn H mua ma túy với Nguyễn Văn S với số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*) và bán lại cho Nông Văn T, sinh năm 1977, trú tại: Xóm T, xã C, huyện Q 01 lần 01 gói với giá 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*); bán cho Hoàng Văn G, sinh năm 1994, trú tại: Xóm T, xã C, huyện Quảng Hòa và Nông Văn N, sinh năm 1960, trú tại: Xóm Đ, xã C, huyện Q mỗi người 05 lần và bán cho Nông Văn H3, sinh năm 1974, trú tại: Xóm N, xã C, huyện Q 03 lần, mỗi lần 01 gói với giá 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được việc làm của mình bị pháp luật ngăn cấm, nhưng bị cáo H do lười lao động, muốn kiếm tiền nhanh chóng từ lợi nhuận của việc buôn bán ma túy nên vẫn cố ý thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy 02 lần trở lên; còn bị cáo H1 mặc dù biết H nhờ đi nhận Thuốc phiện nhưng H1 vẫn nhận hộ gói hàng trong đó có 97,847g (*Chín mươi bảy phẩy tám trăm bốn mươi bảy gam*) Thuốc phiện đã trực tiếp tạo điều kiện cho bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, và trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy.

Từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Đàm Văn H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và Đàm Văn H1 về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã đi ngược lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong cuộc đấu tranh đẩy lùi và bài trừ tệ nạn ma túy, góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ma túy ở địa phương.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên khi quyết định hình phạt

cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Đàm Văn H1 đang có 01 tiền án nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt chính: Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với từng bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là đối tượng sử dụng ma túy, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[6]. Việc xử lý vật chứng:

Xét thấy cần tịch thu tiêu hủy vật chứng là ma túy vì là vật cấm tàng trữ, lưu hành, 01 (*Một*) con dao, 05 (Năm) gói thuốc, 05 (Năm) gói thuốc bắc vì liên quan đến hành vi phạm tội cùng các vật chứng không còn giá trị sử dụng; tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước điện thoại di động của bị cáo Đàm Văn H; trả lại điện thoại di động cho bị cáo Đàm Văn H1 vì tại thời điểm bị cáo sử dụng chiếc điện thoại liên lạc với bị cáo H chưa thể hiện nội dung liên quan đến việc vận chuyển trái phép chất ma túy.

Đối với chiếc xe moto nhãn hiệu HONDA loại Wave biển kiểm soát XXZ1-XXXX là tài sản của anh Tôn Văn T, việc các bị cáo sử dụng chiếc xe để vận chuyển trái phép chất ma túy anh T không biết nên cần trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu.

Bị cáo Đàm Văn H đã bán Thuốc phiện và thu lợi bất chính 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) nên cần truy thu số tiền này để sung vào ngân sách nhà nước.

Vật chứng đã xử lý từ giai đoạn điều tra không có khiếu nại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Các nhận định khác:

Về nguồn gốc số thuốc phiện, Đàm Văn H khai mua với Nguyễn Văn S, tuy nhiên, S không thừa nhận được bán thuốc phiện cho Đàm Văn H. Với những tài liệu chứng cứ thu thập được, chưa đủ căn cứ để chứng minh S bán ma túy cho H nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi đủ căn cứ sẽ xử lý. Đối với hành vi tàng trữ 0,173g (*không phải một trăm bảy mươi ba gam*) thuốc phiện

của Nguyễn Văn S, ngày 16/6/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Hòa đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là phù hợp.

Những người mua ma túy với bị cáo để sử dụng cho bản thân, cơ quan điều tra đã phối hợp với chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý theo quy định là có căn cứ.

Đàm Văn Hải khai được bán ma túy cho Nông Văn H3, nhưng H3 không thừa nhận bản thân nghiện và mua ma túy với H, tuy nhiên sau đó Nông Văn H3 bị bắt và bị khởi tố về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” nên lời khai của bị cáo H là thành khẩn và có căn cứ để xem xét.

[8]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo Đàm Văn H, Đàm Văn H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và quan điểm xử lý vật chứng là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hoàn cảnh kinh tế của bị cáo, nên cần được chấp nhận.

Xét đề nghị của người bào chữa là thể hiện tính khoan dung, nhân đạo của pháp luật Việt Nam, tuy nhiên đối với đề nghị cho các bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ và cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Xét đề nghị xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất của bị cáo là thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên cần được xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và mức hình phạt:

1.1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đàm Văn H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt **Đàm Văn H** 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ 01/3/2022.

1.2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đàm Văn H1 phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt **Đàm Văn H1** 02 (*Hai*) năm 6 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ 01/3/2022.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (*Một*) phong bì niêm phong mặt trước ghi “13/KL-KTHS Hoàn lại mẫu sau giám định vụ Đàm Văn H1 bắt ngày 01/3/2022”, mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và bốn hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng; 01 (*Một*) phong bì niêm phong mặt trước ghi “15/GĐ-KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ: Nguyễn Văn S có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra ngày 07/3/2022”. Mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong; 01 (*Một*) phong bì niêm phong mặt trước ghi “Vỏ niêm phong ban đầu vụ Đàm Văn H1 ngày 01/3/2022”. Mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong; 01 (*Một*) phong bì niêm phong mặt trước ghi “Vỏ niêm phong ban đầu, ví giả da màu đen, túi nilon trong suốt của Nguyễn Văn S”. Mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong; 01 (*Một*) phong bì niêm phong mặt trước ghi “05 gói thuốc trong túi áo treo tại bếp của Đàm Văn H ngày 01/3/2022”. Mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong; 01 (*Một*) phong bì niêm phong mặt trước ghi “Con dao thu giữ của Đàm Văn H ngày 01/3/2022”. Mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong; 01 (*Một*) phong bì niêm phong mặt trước ghi “Mẫu gửi trưng cầu dịch thuật vụ Đàm Văn H1” mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong; 01 (*Một*) túi nilon màu trắng, bên trong có 05 (*Năm*) túi nilon màu trắng đều chứa thuốc bắc.

+ Tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của Đàm Văn H đựng trong 01 (*Một*) phong bì niêm phong mặt trước ghi “02 (*Hai*) điện thoại di động tạm giữ khi bắt quả tang Đàm Văn H1”. Mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

+ Trả lại cho bị cáo Đàm Văn H1 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE đựng trong 01 (*Một*) phong bì niêm phong mặt trước ghi “02 (*Hai*) điện thoại di động tạm giữ khi bắt quả tang Đàm Văn H1”. Mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

+ Trả lại cho anh Tôn Văn T, trú tại: Xóm L, xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng 01 (*Một*) xe moto nhãn hiệu HONDA, loại Wave RSX, màu xanh đen, biển kiểm soát XXZ1-XXXX, xe cũ đã qua sử dụng.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23 tháng 8 năm 2022.

Truy thu số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) do bị cáo Đàm Văn H bán ma túy mà có để nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đàm Văn H, Đàm Văn H1 mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Phòng hồ sơ – CA tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan THA hình sự;
- Trại giam;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Đoàn biên phòng CKQT Tà Lùng;
- Chi cục Hải quan Tà Lùng;
- Các bị cáo; người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Án văn, THA hình sự và HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hiền